

Số: /2021/QĐ-UBND

Đồng Tháp, ngày tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định khung giá dịch vụ sử dụng phà Tân Bình,
huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật giá ngày 01 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở giao thông vận tải,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định khung giá dịch vụ sử dụng phà Tân Bình, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Người đi bộ, người đi xe đạp, xe đạp điện, xe thô sơ, người đi xe gắn máy, xe mô tô, xe điện 02 bánh.

b) Xe ô tô đến dưới 16 chỗ, xe tải và các loại xe chuyên dùng có tải trọng dưới 3,5 tấn.

3. Đối tượng không thu dịch vụ sử dụng phà: xe cứu thương; cứu hỏa; xe máy nông nghiệp, lâm nghiệp; xe hộ đê; xe làm nhiệm vụ khẩn cấp về chống lụt bão; xe chuyên dùng phục vụ cho quốc phòng, an ninh; đoàn xe đưa tang; đoàn xe hộ tống, dẫn đường; xe làm nhiệm vụ vận chuyển thuốc men, máy móc, thiết bị, vật tư, hàng hóa đến những nơi bị thảm họa hoặc vùng có dịch bệnh; người và phương tiện đi lại của học sinh đi học hàng ngày; trẻ em dưới 10 tuổi; người có công với cách mạng đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng có giấy chứng nhận do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

Điều 2. Quy định về mua vé tháng:

1. Đối tượng mua vé tháng: Áp dụng cho tất cả các đối tượng được quy định tại khoản 2 Điều 1 Quyết định này.

2. Thời gian áp dụng: vé tháng được phát hành trong tháng, thời hạn sử dụng được ghi cụ thể trên vé, không phân biệt thời gian ban ngày hay ban đêm.

Điều 3. Khung giá dịch vụ sử dụng phà

STT	Đối tượng	Đơn vị tính	Khung giá	Ghi chú
A	Ban ngày (từ 06 giờ sáng đến 22 giờ tối)			
I	Vé lượt			
1	Hành khách đi bộ	đồng/người	500-1.000	Hành khách đi theo xe (kể từ người thứ 02) và hành lý, hàng hóa theo xe mô tô phải mua vé hành khách đi bộ và hành lý, hàng hóa quy định tại khoản 5, mục I
2	Xe đạp, xe đạp điện	đồng/lượt	1.500-2.000	
3	Xe mô tô 02 bánh, xe gắn máy, xe điện 02 bánh và các loại xe tương tự	đồng/lượt	2.000-3.000	
4	Xe thô sơ	đồng/lượt	3.000-4.000	
5	Hàng hóa, hành lý mang theo			
a	Từ 50kg đến 100kg hoặc công kênh chiếm diện tích từ 01m ² đến 02m ²	đồng/lượt hàng hóa	1.500-2.000	Áp dụng đối tượng tại khoản 1,2,3,4 mục I
b	Trên 100kg hoặc công kênh chiếm diện tích trên 02m ²	đồng/lượt hàng hóa	2.000-3.000	
6	Xe ô tô đến 05 chỗ ngồi	đồng/lượt	12.000-15.000	

7	Xe ô tô trên 05 chỗ đến dưới 16 chỗ ngồi	đồng/lượt	18.000-20.000	
8	Xe chở hàng có tải trọng dưới 3,5 tấn			
II Vé bao phà				
	Xe chở nhiên liệu, chất nổ, hóa chất; xe chở súc vật, hàng hóa khác	đồng/chuyến	110.000-120.000	
III Vé tháng				
1	Hành khách đi bộ	đồng/tháng	15.000-20.000	
2	Xe đạp, xe đạp điện	đồng/tháng	35.000-40.000	Tính chung cho người, xe và hành lý, hàng hóa trên xe
3	Xe mô tô 02 bánh, xe gắn máy, xe điện 02 bánh và các loại xe tương tự	Bằng 30 lần với mức thu vé lượt đối với từng đối tượng tương ứng		
4	Xe thô sơ			
5	Xe ô tô đến 05 chỗ ngồi			
6	Xe ô tô trên 05 chỗ đến dưới 16 chỗ ngồi			
7	Xe chở hàng có tải trọng dưới 3,5 tấn			
B	Ban đêm (từ sau 22 giờ tối ngày hôm trước đến trước 06 giờ ngày hôm sau)	Bằng 02 lần với mức thu vé lượt đối với từng đối tượng tương ứng		

Điều 4. Quản lý và sử dụng nguồn thu

1. Việc thu tiền dịch vụ sử dụng phà Tân Bình, huyện Thanh Bình phải có biên lai, hóa đơn thu theo quy định; đơn vị thu phải thực hiện niêm yết công khai giá dịch vụ sử dụng phà tại nơi thu tiền.

2. Đơn vị thu tiền dịch vụ sử dụng phà Tân Bình, huyện Thanh Bình phải mở sổ sách, kế toán theo dõi, phản ánh việc thu, nộp và quản lý, sử dụng nguồn thu, thực hiện nộp thuế theo quy định.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 8 năm 2021 và thay thế Quyết định số 74/2016/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành quy định giá dịch vụ sử dụng phà Tân Bình, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành Tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Đoàn ĐBQH đơn vị Tỉnh;
- TT/TU, TT/HĐND Tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT/UBND Tỉnh;
- LĐVP/UBND Tỉnh;
- Cổng Thông tin Điện tử Tỉnh;
- Công báo;
- Lưu: VT, NC/KT-tuan.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Trí Quang